

**TỜ TRÌNH****Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của  
Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ  
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất**

Kính gửi: Chính phủ

Tại Văn bản số 63/VPCP-TH ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Văn phòng Chính phủ về Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2021, Bộ Công Thương được giao chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất (Nghị định số 113/2017/NĐ-CP).

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công Thương kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

Sau 4 năm thực thi Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, phân công quản lý hoá chất ở trung ương và địa phương rõ ràng và đã đi vào nền nếp tốt; quy định pháp luật có tính thực tiễn, khả thi cao kèm theo đó là cắt giảm, đơn giản hoá nhiều thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực thi có hiệu quả. Tuy nhiên, một số quy định vẫn tiếp tục cần được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với diễn biến thị trường, yêu cầu cải cách thủ tục hành chính của Chính phủ và các quy định pháp luật mới được ban hành có liên quan.

**1. Các kết quả đã đạt được**

1.1. Nghị định số 113/2017/NĐ-CP là văn bản cấp nghị định duy nhất hướng dẫn thi hành một số điều Luật Hoá chất, thay thế Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định 26/2011/NĐ-CP ngày 08 ngày 4 tháng 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

1.2. Quy định pháp luật về quản lý hoá chất được quy định cụ thể và khá chi tiết trong Nghị định 113/2017/NĐ-CP tạo thuận lợi xây dựng chi tiết các hành vi vi phạm pháp luật và mức độ xử phạt tại Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính

trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp.

1.3. Nhiều thủ tục hành chính được bãi bỏ, đơn giản hoá:

- Bỏ thủ tục xác nhận Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất do Sở công thương các tỉnh, thành phố cấp, thay vào đó, tổ chức, cá nhân sẽ tự xây dựng và ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của đơn vị mình.

- Bỏ thủ tục xác nhận khai báo hóa chất sản xuất, đăng ký sử dụng hóa chất. Việc khai báo sản xuất, sử dụng hóa chất được thực hiện thông qua chế độ báo cáo hàng năm của tổ chức, cá nhân.

- Bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất. Các tổ chức, cá nhân có thể tự tổ chức huấn luyện tại đơn vị và lưu giữ hồ sơ huấn luyện.

- Một số trường hợp được miễn trừ khai báo hóa chất, bao gồm:

+ Hóa chất được sản xuất, nhập khẩu phục vụ an ninh, quốc phòng, ứng phó các sự cố thiên tai, dịch bệnh khẩn cấp;

+ Hóa chất nhập khẩu dưới 10 kg/một lần nhập khẩu (không áp dụng đối với các hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp);

+ Hóa chất là nguyên liệu sản xuất thuốc đã có Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam, nguyên liệu sản xuất thuốc là dược chất để sản xuất theo hồ sơ đăng ký thuốc đã có Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam;

+ Hóa chất là nguyên liệu sản xuất thuốc bảo vệ thực vật đã có Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam.

1.4. Các danh mục hóa chất đã được rà soát và ban hành theo tiêu chí phân loại hóa chất nguy hiểm tuân thủ quy tắc và hướng dẫn kỹ thuật của Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất GHS. Các danh mục hóa chất được liệt kê cụ thể từng hóa chất nguy hiểm theo tên gọi (tiếng Việt, tiếng Anh), công thức hóa học, mã số CAS, mã số hải quan (mã HS).

1.5. Bãi bỏ Danh mục hóa chất phải xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (quy định tại Phụ lục VII - Nghị định số 26/2011/NĐ-CP), thay vào đó, đối với hóa chất nguy hiểm thuộc Danh mục hóa chất phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nhưng dưới ngưỡng quy định, doanh nghiệp tự xây dựng và phê duyệt Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

1.6. Sau khi Luật Đầu tư được sửa đổi, bổ sung và thay thế vào các năm 2018, 2019, 2020, một số điều kiện đầu tư sản xuất, kinh doanh hóa chất tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP đã không còn phù hợp và đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và Nghị định số 17/2020/NĐ-

CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Cùng với việc thực thi các quy định tại Luật Đầu tư, thực hiện chủ trương cải cách hành chính của Chính phủ, 46/130 điều kiện đầu tư kinh doanh về hóa chất tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP đã được rà soát cắt giảm, đơn giản hóa. Một trong những kết quả nổi bật về cải cách hành chính của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP là thủ tục Khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Từ chỗ doanh nghiệp phải nộp đến khoảng 70.000 bộ hồ sơ giấy/năm tại cơ quan cấp giấy chứng nhận (Cục Hóa chất) và nhận kết quả sau 05 (năm) ngày làm việc, đến nay doanh nghiệp ở mọi nơi, mọi lúc chỉ cần vào hệ thống điện tử điền và nộp hồ sơ nhập khẩu và sau 10-15 giây là hoàn thành khai báo để làm thủ tục thông quan.

Như vậy, với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ngày càng được hoàn thiện, công tác quản lý hóa chất đã có bước tiến quan trọng từ Trung ương đến địa phương. Việc quản lý các hoạt động hóa chất bao gồm xuất nhập khẩu hóa chất, sản xuất kinh doanh hóa chất, phòng ngừa sự cố hóa chất và đào tạo huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất ngày càng đi vào nề nếp. Ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức hoạt động hóa chất từng bước được nâng cao, bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương được phân công hợp lý, tăng cường cả về số lượng và chất lượng, nhận thức rõ hơn trách nhiệm trong việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội đồng thời góp phần quan trọng cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

## **2. Những bất cập, hạn chế của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP và hướng xử lý trong Nghị định sửa đổi, bổ sung**

*2.1. Về cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp (Giấy phép) và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Giấy chứng nhận)*

2.1.1. Hoạt động pha loãng, phối trộn hóa chất để tạo ra các hóa chất trung gian

Các tổ chức, cá nhân hoạt động pha loãng, phối trộn hóa chất tạo ra các hóa chất trung gian thuộc danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh; hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện để đưa vào quá trình sử dụng, sản xuất sản phẩm, hàng hóa khác của chính tổ chức, cá nhân phải xin cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận. Tuy nhiên, các hoạt động này chỉ là công đoạn sơ chế nguyên liệu trung gian trong quy trình sản xuất sản phẩm hàng hóa, các hóa chất được tạo thành không được đưa ra thị trường. Để khắc phục bất cập, dự thảo Nghị định sẽ bổ sung các điều khoản miễn trừ cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận với trường hợp này.

2.1.2. Hỗn hợp chất có hàm lượng thành phần rất nhỏ

Một số hỗn hợp chất có hàm lượng thành phần rất nhỏ thuộc danh mục hóa chất cần cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận. Hàm lượng vết này đôi khi lại không được phát hiện ngay. Do đó, các tổ chức, cá nhân gặp khó khăn để xác định hàm lượng vết trong hỗn hợp khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép. Để khắc phục bất cập, dự thảo Nghị định sẽ bổ sung các điều khoản miễn trừ cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận với trường hợp này.

2.1.3. Bổ sung Kế hoạch/Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất vào điều kiện và hồ sơ cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận

Theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Luật Hóa chất và khoản 2 Điều 20, khoản 1 Điều 21 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, chủ đầu tư phải xây dựng và được phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất hoặc tự ban hành Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất trước khi dự án chính thức đưa vào hoạt động. Tuy nhiên, thực tế một số doanh nghiệp chưa tự giác thực hiện các nội dung nêu trên. Do đó, để đảm bảo an toàn cho con người và môi trường, đề nghị bổ sung điều kiện có Kế hoạch/ Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất.

Để khắc phục bất cập, dự thảo Nghị định sẽ:

- Bổ sung điều kiện: cơ sở sản xuất/kho chứa hóa chất có Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất;

- Bổ sung hồ sơ: bản sao Quyết định phê duyệt Kế hoạch/ Quyết định ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất.

2.1.4 Chỉnh sửa thành phần Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận

Theo quy định tại Điều 10, 16 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp và Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp gồm nhiều nội dung trong đó có hồ sơ huấn luyện an toàn hoá chất. Hồ sơ huấn luyện nói trên gồm nhiều tài liệu, bao gồm: Bằng tốt nghiệp của giảng viên, bằng chứng về kinh nghiệm hoạt động an toàn hóa chất, giáo trình về huấn luyện an toàn hóa chất...

Điểm c, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP quy định thành phần hồ sơ “Bản giải trình kế hoạch kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp Giấy phép” nhưng Nghị định chưa quy định cụ thể điều kiện cho thành phần hồ sơ này.

Để khắc phục bất cập, dự thảo Nghị định sẽ:

- Thay thế hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất bằng bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hoá chất;

- Bãi bỏ “Bản giải trình kế hoạch kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất,

kinh doanh của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp Giấy phép”. Đồng thời tích hợp nội dung giải trình này vào mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép khi sửa Thông tư số 32/2017/TT-BCT.

#### 2.1.4. Thời hạn Giấy phép

Điểm đ khoản 1 Điều 17 Luật Hóa chất quy định “đối với Giấy phép còn phải có quy định về thời hạn Giấy phép”. Tuy nhiên, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP chưa quy định về thời hạn Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp. Ngoài ra, các kho chứa hóa chất của các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép thường là kho thuê có thời hạn. Các hồ sơ liên quan đề nghị cấp Giấy phép về huấn luyện an toàn hóa chất, kiểm định trang thiết bị... cũng có thời hạn. Để khắc phục bất cập, dự thảo Nghị định sẽ bổ sung thời hạn Giấy phép để tuân thủ điểm đ khoản 1 Điều 17 Luật Hóa chất và phù hợp với điểm e khoản 5 Điều 7 Luật Đầu tư năm 2020.

#### 2.1.5. Thời gian xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận

Nghị định số 113/2017/NĐ-CP chưa quy định cụ thể thời gian xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp các tổ chức, cá nhân có trụ sở chính và cơ sở sản xuất, kinh doanh ở các địa phương khác nhau. Điều này dẫn đến việc kéo dài thời gian cấp Giấy chứng nhận. Để khắc phục, dự thảo Nghị định sẽ bổ sung quy định cụ thể về thời gian thẩm định, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy chứng nhận là 15 ngày đối với trường hợp nêu trên.

2.1.6. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất

Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất đã được quy định tại Thông tư số 32/2017/TT-BCT. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Thông tư của Bộ trưởng không được quy định thủ tục hành chính trừ trường hợp được Luật giao.

Để khắc phục bất cập, dự thảo Nghị định sẽ quy định cụ thể hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất. Tổ chức, cá nhân chỉ chuẩn bị 1 hồ sơ chung, không chuẩn bị 2 lần các giấy tờ trùng lặp giữa hồ sơ sản xuất và hồ sơ kinh doanh.

#### 2.2. Về khai báo hóa chất nhập khẩu

Hiện nay, khai báo hóa chất nhập khẩu triển khai qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP. Thông tin khai báo hóa chất được tự động chuyển đến hệ thống của Bộ Công Thương, khi đó hệ thống của Bộ Công Thương tự động phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia tới tổ chức, cá nhân khai báo và cơ quan hải quan. Việc phản hồi tự động kết quả khai báo hóa chất nhập khẩu tồn tại một số bất cập sau:

- Một số tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục khai báo hóa chất nhập

khẩu không thực hiện đúng các quy định hiện hành: số lượng khai báo và khối lượng hóa chất thực tế nhập khẩu có sự chênh lệch lớn; không đính kèm phiếu an toàn hóa chất bằng tiếng Việt, khai báo lặp lại nhiều lần, khai báo không đúng các trường thông tin...

- Các tổ chức, cá nhân nhập khẩu các hóa chất để kinh doanh thuộc đối tượng phải cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất hạn chế trong đó bao gồm một số hóa chất đặc biệt nguy hiểm, tác động đến an ninh, trật tự xã hội như dinitơ oxit, các hợp chất xyanua, các hợp chất thủy ngân mà chưa được cấp Giấy phép hoặc vượt quá khối lượng được cấp Giấy phép, nhưng hệ thống vẫn tự động phản hồi kết quả, dẫn tới nguy cơ gây mất an toàn, an ninh và trật tự xã hội.

Để khắc phục bất cập, dự thảo Nghị định sẽ bổ sung biện pháp quản lý khi thực hiện khai báo hóa chất nhập khẩu đối với dinitơ oxit, các hợp chất xyanua, các hợp chất thủy ngân.

### *2.3. Về quản lý tiền chất công nghiệp*

Để thống nhất khái niệm hỗn hợp chất tại khoản 3 Điều 4 Luật Hoá chất và khái niệm tiền chất tại khoản 4 Điều 2 Luật Phòng, chống ma túy, dự thảo Nghị định sẽ thay cụm từ “hàng hoá chứa tiền chất” bằng cụm từ “hỗn hợp chất chứa tiền chất”.

Thực hiện Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14 ngày 31 tháng 3 năm 2021 và Quyết định số 1452/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phòng, chống ma túy giai đoạn 2021-2025, dự thảo Nghị định sẽ bổ sung quy định quản lý, kiểm sát hoạt động sử dụng tiền chất công nghiệp để đồng bộ quy định pháp luật về quản lý, kiểm soát “các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy” quy định tại Điều 12, Luật phòng, chống ma túy.

### *2.4. Về huấn luyện an toàn hóa chất*

Theo quy định của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, huấn luyện an toàn hóa chất không quy định nội dung thực hành, do đó, khi xảy ra sự cố hóa chất, một số tổ chức, cá nhân bị động, không ứng phó kịp thời dẫn tới thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản và ảnh hưởng đến môi trường. Thời gian huấn luyện định kỳ cũng chưa được quy định cụ thể nên việc huấn luyện lại tương tự với huấn luyện lần đầu gây lãng phí thời gian, chi phí của doanh nghiệp. Dự thảo Nghị định sẽ bổ sung quy định về các bài tập thực hành tình huống và điều chỉnh thời gian huấn luyện lại.

### *2.5. Về diễn tập phương án ứng phó sự cố hóa chất*

Các hóa chất nguy hiểm thuộc Danh mục hóa chất phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 113/2017/NĐ-CP là những hóa chất có nguy cơ cao xảy ra sự cố hóa chất. Tuy nhiên theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, nếu dưới ngưỡng quy định, cơ sở hoạt động hóa chất đối với các hóa chất này chỉ phải xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và không thực hiện diễn tập định kỳ. Thực tế cho

thấy nếu sự cố xảy ra, các cơ sở nói trên ứng phó không kịp thời, không thuận thực, dẫn đến hậu quả đáng tiếc. Dự thảo Nghị định sẽ bổ sung quy định định kỳ tổ chức diễn tập phương án ứng phó sự cố hóa chất với sự chứng kiến hoặc chỉ đạo của đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành địa phương đối với hóa chất thuộc Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nhưng dưới ngưỡng.

#### *2.6. Về phân loại, ghi nhãn và phiếu an toàn hóa chất*

Điều 23 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP quy định bảng tổng hợp phân loại hóa chất được tích hợp từ phiên bản 2 năm 2007 đến phiên bản 7 năm 2017 của Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS). Việc tích hợp này đã gây sự nhầm lẫn khi tra cứu, thực hiện. Dự thảo Nghị định sẽ chỉnh sửa bảng tổng hợp theo GHS phiên bản 2 năm 2007.

Điều 24 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP quy định hàm lượng tác nhân nhạy da/hô hấp là “0,1%”. Giá trị này là sai sót kỹ thuật, giá trị đúng được quy định tại GHS đối với tác nhân nhạy da/hô hấp là “1%”. Để khắc phục sai sót này, dự thảo Nghị định sẽ chỉnh sửa giá trị tác nhân nhạy da/hô hấp là 1%.

#### *2.7. Về các Danh mục hóa chất*

Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp tại Phụ lục II Nghị định số 113/2017/NĐ-CP có bao gồm các hóa chất thuộc Công ước Rotterdam về thủ tục đồng ý thông báo trước đối với một số hóa chất và thuốc trừ sâu nguy hại trong thương mại quốc tế và Công ước Stockholm về ô nhiễm chất hữu cơ khó phân hủy. Hiện nay, Công ước Rotterdam và Công ước Stockholm đã bổ sung thêm hóa chất cần quản lý, do vậy dự thảo Nghị định sẽ cập nhật các hóa chất này vào các danh mục tương ứng để thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Việt Nam khi tham gia các công ước.

Ngoài ra, dự thảo Nghị định sẽ bổ sung một số hóa chất nguy hiểm vào Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp sau khi xem xét, đánh giá đề nghị của các Sở Công Thương từ thực tế quản lý hóa chất tại địa phương.

Đồng thời, dự thảo Nghị định cập nhật những hóa chất được bổ sung vào 02 danh mục nêu trên vào danh mục khai báo hóa chất nhập khẩu để đảm bảo công tác quản lý hóa chất nhập khẩu đối với những hóa chất nguy hiểm này.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Mục đích**

Đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính để tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp có hoạt động hoá chất; tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp hóa chất, trong khi vẫn đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động hóa chất, đảm bảo an toàn, môi trường hướng đến phát triển bền vững.

Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với hoạt động hóa chất nói chung

và các quy định liên quan đến Giấy phép, Giấy chứng nhận, khai báo hoá chất, điều kiện sản xuất, kinh doanh hoá chất, biện pháp hoặc kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, phân loại hóa chất, phiếu an toàn hóa chất, huấn luyện an toàn hóa chất, báo cáo hoạt động hóa chất.

## **2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản**

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Công Thương và các Bộ ngành hữu quan luôn bám sát những quan điểm sau đây:

- Kế thừa những quy định phù hợp tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính để tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp có hoạt động hóa chất; tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp hóa chất, trong khi vẫn đảm bảo hiệu lực quản lý nhà nước đối với hoạt động hóa chất, đảm bảo an toàn, môi trường hướng đến phát triển bền vững.

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Hóa chất và sự phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành; đảm bảo sự phù hợp với chức năng quản lý nhà nước của các Bộ chuyên ngành, sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành có liên quan.

- Đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng quản lý hóa chất trên thế giới hiện nay.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Thực hiện quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Công Thương đã triển khai các công việc sau:

1. Ban hành Quyết định số 1195/QĐ-BCT ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, gồm Lãnh đạo Bộ Công Thương, đại diện các cơ quan: Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương Hà Nội và một số đơn vị thuộc Bộ Công Thương.

2. Tiến hành rà soát các quy định của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; đối chiếu



với các quy định pháp luật có liên quan và thực tiễn để đánh giá những vướng mắc nảy sinh trong quá trình áp dụng Nghị định và định hướng giải pháp xử lý.

3. Xây dựng dự thảo số 1 của Nghị định và tổ chức các cuộc họp, lấy ý kiến Ban soạn thảo, Tổ biên tập và các tổ chức, cá nhân liên quan.

4. Hoàn thiện dự thảo 2 của Nghị định và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương để lấy ý kiến góp ý của các cá nhân, tổ chức từ ngày 23 tháng 7 năm 2021; thực hiện thủ tục thông báo với Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) từ ngày 08 tháng 7 năm 2021; gửi xin ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và một số doanh nghiệp, hiệp hội có liên quan (Công văn số 4008/BCT-HC ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Bộ Công Thương).

Tính đến thời điểm ngày 25 tháng 9 năm 2021, đã có 10/22 các Bộ, cơ quan ngang bộ, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) có văn bản tham gia ý kiến góp ý đối với dự thảo 2 của Nghị định; 50/63 UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có văn bản tham gia ý kiến góp ý; 15 Tổng công ty, tập đoàn, hiệp hội có văn bản tham gia ý kiến, trong đó có 13 đơn vị đồng ý hoàn toàn với nội dung dự thảo Nghị định.

Bộ Công Thương đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo 3 Nghị định. Bản đánh giá thủ tục hành chính (dự thảo 3 của Nghị định) đã được tham vấn ý kiến của Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Chính phủ) và được phản hồi rằng nội dung này sẽ do Bộ Tư pháp thẩm định.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

##### **1. Bố cục**

Dự thảo Nghị định gồm 3 điều:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất

- Điều 2. Bãi bỏ mẫu số 05 Phụ lục VI Nghị định số 113/2017/NĐ-CP

- Điều 3. Hiệu lực thi hành

##### **2. Những nội dung cơ bản dự thảo Nghị định**

###### *2.1. Về phạm vi điều chỉnh và cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận*

Nội dung này được chỉnh sửa, bổ sung như sau:

1. Bổ sung khoản 11 vào Điều 1 như sau:

“11. Các sản phẩm sau không thuộc đối tượng hóa chất được điều chỉnh của Nghị định này:

a) Dược phẩm; chế phẩm diệt khuẩn, diệt côn trùng; thực phẩm; mỹ

phẩm;

b) Thức ăn chăn nuôi; thuốc thú y; thuốc bảo vệ thực vật; phân bón hữu cơ, phân bón sinh học, phân bón hóa học là phân bón hỗn hợp, phân bón khoáng hữu cơ, phân bón khoáng sinh học; sản phẩm bảo quản, chế biến nông sản, lâm sản, hải sản và thực phẩm;

c) Chất phóng xạ; vật liệu xây dựng; sơn, mực in;

d) Keo dán sử dụng trong lĩnh vực gia dụng và sản phẩm tẩy rửa sử dụng trong lĩnh vực gia dụng.

đ) Xăng, dầu theo quy định pháp luật về xăng, dầu; condensate, naphta được sử dụng trong chế biến xăng dầu.”

2. Bổ sung điểm e vào khoản 1 Điều 9 như sau:

“e) Cơ sở sản xuất có Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được ban hành.”

3. Bổ sung điểm i vào khoản 2 Điều 9 như sau:

“i) Kho chứa hóa chất có Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được ban hành.”

4. Sửa đổi khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Tổ chức, cá nhân, trừ tổ chức cá nhân thuộc trường hợp quy định tại Điều 10a, chỉ được sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện và có trách nhiệm duy trì đủ điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trong suốt quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trường hợp tổ chức, cá nhân không còn đáp ứng đủ điều kiện sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Hóa chất.”

5. Sửa đổi điểm h, khoản 1 Điều 10 như sau:

“h) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân.”

6. Bổ sung điểm k, khoản 1 Điều 10 như sau:

“k) Bản sao Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Quyết định ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của dự án.”

7. Sửa đổi điểm i, khoản 2 Điều 10 như sau:

“i) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân.”

8. Bổ sung điểm l, khoản 2 Điều 10 như sau:

“l) Bản sao Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Quyết định ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của dự án.”

9. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 10 như sau:

“2a. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo mẫu quy định tại khoản 7 Điều này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

c) Bản kê khai các cơ sở sản xuất, địa điểm kinh doanh hóa chất;

d) Bản sao Quyết định phê duyệt hoặc Xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất;

đ) Bản sao Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và văn bản chấp thuận nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

e) Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo đủ điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất không thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

g) Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng từng cơ sở sản xuất, địa điểm kinh doanh hóa chất, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho tàng, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất, kho chứa hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất hoặc Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho chứa; Hợp đồng hay thỏa thuận mua bán hóa chất trong trường hợp địa điểm kinh doanh sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất;

h) Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của từng cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất;

i) Bản sao bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa chất của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách an toàn hóa chất;

k) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định này;

l) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất theo quy định.”

10. Chính sửa điểm c, khoản 3 Điều 10 như sau

“c) Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Sở Công Thương địa phương nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân. Mẫu Giấy chứng nhận được quy định tại Phụ lục VI của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.”

10. Bổ sung điểm d, khoản 3 Điều 10 như sau:

“d) Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Sở Công Thương địa phương nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của tổ chức, cá nhân để lấy ý kiến của Sở Công Thương địa phương đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất. Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất có trách nhiệm kiểm tra điều kiện thực tế và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản của Sở Công Thương địa phương nơi đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất về việc đã đáp ứng đủ điều kiện, Sở Công Thương địa phương nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân đồng thời gửi 01 bản cho Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất. Mẫu Giấy chứng nhận được quy định tại Phụ lục VI của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do”.

10. Bổ sung Điều 10a vào sau Điều 10 như sau:

**“Điều 10a. Các trường hợp miễn trừ Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

1. Hoạt động pha loãng, phối trộn hóa chất không xảy ra phản ứng hóa học tạo thành hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp để đưa vào quá trình sử dụng, sản xuất sản phẩm, hàng hóa khác của chính tổ chức, cá nhân.

2. Thành phần hóa chất trong hỗn hợp chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp có hàm lượng trong hỗn hợp chất nhỏ hơn 0,1%.”

10. Sửa đổi khoản 4 Điều 15 như sau:

“4. Tổ chức, cá nhân, trừ tổ chức cá nhân thuộc trường hợp quy định tại

Điều 16a, chỉ được sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép và có trách nhiệm duy trì đủ điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này trong suốt quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trường hợp tổ chức, cá nhân không còn đáp ứng đủ điều kiện sẽ bị thu hồi Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Hóa chất.”

11. Sửa đổi điểm b, khoản 1 Điều 16 như sau:

“b) Các giấy tờ quy định từ điểm b đến điểm k khoản 1 Điều 10 của Nghị định này.”

12. Sửa đổi điểm b, khoản 2 Điều 16 như sau:

“b) Các giấy tờ quy định từ điểm b đến điểm l khoản 2 Điều 10 của Nghị định này.”

13. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 16 như sau:

“2a. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp theo mẫu quy định tại khoản 7 Điều này;

b) Các giấy tờ quy định từ điểm b đến điểm l khoản 2a Điều 10 của Nghị định này;

c) Thuyết minh quy trình công nghệ sản xuất hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh.”

14. Bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 16 như sau:

“5. Thời hạn Giấy phép

a) Giấy phép cấp mới và cấp điều chỉnh có thời hạn hiệu lực là 5 năm kể từ ngày cấp;

b) Thời hạn của Giấy phép cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp.”

15. Bổ sung Điều 16a vào sau Điều 16 như sau:

**“Điều 16a. Các trường hợp miễn trừ Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp**

1. Hoạt động pha loãng, phối trộn hóa chất không xảy ra phản ứng hóa học tạo thành hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp để đưa vào quá trình sử dụng, sản xuất sản phẩm, hàng hóa khác của chính tổ chức, cá nhân.

2. Thành phần hóa chất trong hỗn hợp chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp có hàm lượng trong hỗn hợp chất nhỏ hơn 0,1%.”

16. Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 16 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

17. Bãi bỏ khoản 1 Điều 8 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

18. Đối với các Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực, thời hạn của Giấy phép là 3 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

## 2.2. Về khai báo hóa chất nhập khẩu

Nội dung này được đề xuất chỉnh sửa, bổ sung như sau:

1. Bổ sung điểm e khoản 3 Điều 27 như sau:

“e) Bản sao Giấy phép kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp trong trường hợp tổ chức, cá nhân khai báo hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh để kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp.”

2. Bổ sung khoản 4a sau khoản 4 Điều 27 như sau:

“4a. Các hóa chất cần kiểm soát đặc biệt khi nhập khẩu:

a) Các hóa chất nguy hiểm cần kiểm soát khi thực hiện thủ tục khai báo hóa chất nhập khẩu bao gồm: dinitơ oxit, các hợp chất của xyanua, thủy ngân và các hợp chất của thủy ngân;

b) Trong thời hạn 16 giờ làm việc, kể từ thời điểm hệ thống của Bộ Công Thương tiếp nhận hồ sơ khai báo đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Cơ quan tiếp nhận thông tin khai báo (Bộ Công Thương) phản hồi kết quả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân khai báo. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cơ quan tiếp nhận thông tin khai báo (Bộ Công Thương) gửi phản hồi trên hệ thống điện tử đến tổ chức, cá nhân khai báo hóa chất để bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Các trường hợp hồ sơ không hợp lệ bao gồm tổng khối lượng hóa chất nhập khẩu tính từ đầu năm đến thời điểm khai báo lớn hơn khối lượng được cấp phép trong năm, các tài liệu đính kèm không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều này, thông tin khai báo hóa chất nhập khẩu chưa chính xác. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cơ quan tiếp nhận thông tin khai báo (Bộ Công Thương) phê duyệt hồ sơ và phản hồi thông tin khai báo, thông tin được phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia tới tổ chức, cá nhân khai báo và cơ quan hải quan.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 27 như sau:

“b) Thông tin khai báo và phản hồi khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo mẫu quy định tại Phụ lục V Nghị định này. Thông tin phản hồi khai báo hóa chất nhập khẩu có giá trị pháp lý để làm thủ tục thông quan. Ngay sau khi hồ sơ được thông quan, hệ thống cơ quan hải quan gửi phản hồi trạng thái thông quan gồm thông tin tờ khai, khối lượng hóa chất thông quan qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và hệ thống của Bộ Công Thương.”

#### 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 27 như sau:

“6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện khai báo hóa chất qua Cổng thông tin một cửa quốc gia

Tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin khai báo theo biểu mẫu có sẵn trên Cổng thông tin một cửa quốc gia và các văn bản, chứng từ, dữ liệu điện tử trong bộ hồ sơ khai báo hóa chất qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp thông tin khai báo không chính xác, hồ sơ khai báo hóa chất điện tử là cơ sở để tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiến hành xử phạt vi phạm hành chính. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm lưu trữ bộ hồ sơ khai báo hóa chất để xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu, thời gian lưu trữ hồ sơ tối thiểu 5 năm.”

#### 5. Bổ sung khoản 6 vào Điều 28 như sau:

“6. Miễn trừ khai báo hóa chất đối với thành phần hóa chất trong hỗn hợp chất thuộc danh mục hoá chất phải khai báo có hàm lượng nhỏ hơn 0,1%.”

#### 2.3. Về tiền chất công nghiệp

Nội dung này được đề xuất chỉnh sửa, bổ sung như sau:

##### 1. Bổ sung Điều 11a vào sau Điều 11 như sau:

#### **“Điều 11a. Quản lý, kiểm soát sử dụng tiền chất công nghiệp**

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng tiền chất công nghiệp để sản xuất các sản phẩm, hàng hóa khác phải thực hiện các quy định tại Chương V của Luật Hóa chất và các quy định sau:

a) Có hóa đơn mua tiền chất công nghiệp, giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ, nhà sản xuất, nhà nhập khẩu hoặc nhà cung cấp các loại tiền chất công nghiệp; có phiếu xuất kho, nhập kho;

b) Lập sổ theo dõi tình hình sử dụng tiền chất công nghiệp. Sổ theo dõi bao gồm các thông tin: Tên tiền chất công nghiệp, số lượng tiền chất mua vào (số lượng nhập khẩu, mua trong nước), số lượng đã sử dụng, số lượng tồn kho; mục đích sử dụng tiền chất công nghiệp.

2. Trong quá trình sử dụng tiền chất công nghiệp, tổ chức, cá nhân phải có biện pháp quản lý, kiểm soát tiền chất và phải chịu trách nhiệm về việc làm thất thoát tiền chất.”

2. Thay thế cụm từ “hàng hoá” bằng cụm từ “hỗn hợp chất” tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

#### 2.4. Về huấn luyện an toàn hóa chất

Nội dung này được đề xuất chỉnh sửa, bổ sung như sau:

##### 1. Sửa đổi điểm c khoản 8 Điều 20 như sau:

“c) Hàng năm các cơ sở hóa chất phải tổ chức diễn tập phương án ứng phó sự cố hóa chất đã được xây dựng trong Kế hoạch với sự chứng kiến hoặc chỉ đạo của đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành địa phương.”

2. Bổ sung điểm d vào khoản 3 Điều 21 như sau:

“d) Hàng năm các cơ sở hóa chất phải tổ chức diễn tập phương án ứng phó sự cố hóa chất đã được xây dựng trong Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất với sự chứng kiến hoặc chỉ đạo của đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành địa phương trong trường hợp cơ sở hóa chất có tồn trữ hóa chất thuộc Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nhưng dưới ngưỡng quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.”

3. Bổ sung điểm e vào khoản 3 Điều 33 như sau:

“e) Nội dung thực hành tại cơ sở hoạt động hóa chất: Nhận biết đặc tính nguy hiểm của hóa chất và thực hành quy trình xử lý một số sự cố hóa chất điển hình tại cơ sở hoạt động hóa chất.”

4. Bổ sung điểm đ vào khoản 4 Điều 33 như sau:

“đ) Nội dung thực hành tại cơ sở hoạt động hóa chất: Nhận biết đặc tính nguy hiểm của hóa chất và thực hành quy trình xử lý một số sự cố hóa chất điển hình tại cơ sở hoạt động hóa chất.”

### 2.5. Về danh mục hóa chất

Nội dung này được đề xuất chỉnh sửa, bổ sung như sau:

1. Bổ sung một số hóa chất vào Phụ lục I của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP – Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp như sau:

STT	Tên hóa chất theo tiếng Việt	Tên hóa chất theo tiếng Anh	Mã số HS <sup>(1)</sup>	Mã số CAS	Công thức hóa học
820	Amoniac (khan)	Ammonia (anhydrous)	28141000	7664-41-7	NH <sub>3</sub>
821	Axetylen	Acetylene	29012910	74-86-2	C <sub>2</sub> H <sub>2</sub>
822	Clorin	Chlorine	28011000	7782-50-5	Cl <sub>2</sub>
823	Flo	Fluorine	28013000	7782-41-4	F <sub>2</sub>
824	Hydrogen	Hydrogen	28041000	1333-74-0	H <sub>2</sub>
825	Hydrogen fluorit	Hydrogen fluoride	28111100	7664-39-3	HF
826	Hydrogen sunphit	Hydrogen sulphide	28139000	7783-06-4	H <sub>2</sub> S
827	Lưu huỳnh dioxit	Sulfur dioxide	28112820	7446-09-5	SO <sub>2</sub>
828	Nitric axit	Nitric acid	28080000	7697-37-2	HNO <sub>3</sub>
829	Photpho (trắng, vàng, đỏ)	Phosphorus (White, yellow, red)	28047000	7723-14-0	P <sub>4</sub>
<b>Tiền chất công nghiệp<sup>(2)</sup> nhóm 1</b>					



830	Cyclopentyl bromide	Bromocyclopentane	29035990	137-43-9	C <sub>5</sub> H <sub>9</sub> Br
831	Cyclopentyl chloride	Chlorocyclopentane	29035990	930-28-9	C <sub>5</sub> H <sub>9</sub> Cl
832	Cyclopentyl magnesium bromide	Cyclopentyl magnesium bromide	29319090	33240-34-5	C <sub>5</sub> H <sub>9</sub> BrMg
833	o-Chlorobenzonitrile	2-Chlorobenzonitrile	29269095	873-32-5	C <sub>7</sub> H <sub>4</sub> ClN
834	o-Bromobenzonitrile	2-Bromobenzonitrile	29269095	2042-37-7	C <sub>7</sub> H <sub>4</sub> BrN
835	Propiophenone	1-phenyl-1-propanone	29143900	93-55-0	C <sub>9</sub> H <sub>10</sub> O

2. Bổ sung một số hóa chất vào Phụ lục II của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP – Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp như sau:

STT	Tên hóa chất theo tiếng Việt	Tên hóa chất theo tiếng Anh	Mã số HS <sup>(*)</sup>	Mã số CAS	Công thức hóa học
217	Hexabromocyclododecane	Hexabromocyclododecane	29038980	134237-50-6 134237-51-7 134237-52-8 25637-99-4 3194-55-6	C <sub>12</sub> H <sub>18</sub> Br <sub>6</sub>
218	Chlordecone	Chlordecone	29147100	143-50-0	C <sub>10</sub> Cl <sub>10</sub> O
219	Pentachlorobenzene (PeCB)	Pentachlorobenzene (PeCB)	29309098 29039300	133-49-3 608-93-5 22441-28-7 42115-15-1	C <sub>6</sub> Cl <sub>5</sub> SH HC <sub>6</sub> Cl <sub>5</sub>
230	Polychlorinated naphthalene (PCN)	Polychlorinated naphthalene (PCN)		-	
231	Decabromodiphenyl ether (DBDE)	Decabromodiphenyl ether (DBDE)	29093038	1163-19-5	C <sub>12</sub> Br <sub>10</sub> O
232	Perfluorooctanoic acid (PFOA), các muối của chúng và các hợp chất liên quan đến PFOA	Perfluorooctanoic acid (PFOA) and its salts	29159070	-	C <sub>8</sub> HF <sub>15</sub> O <sub>2</sub>

3. Bổ sung một số hóa chất vào Phụ lục V của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP – Danh mục hóa chất phải khai báo:

STT	Tên hóa chất theo tiếng Việt	Tên hóa chất theo tiếng Anh	Mã số HS <sup>(*)</sup>	Mã số CAS	Công thức hóa học
1157	Chlordecone	Chlordecone	29147100	143-50-0	C <sub>10</sub> Cl <sub>10</sub> O

1158	Pentachlorobenzene (PeCB)	Pentachlorobenzene (PeCB)	29309098 29039300	133-49-3 608-93-5 22441-28-7 42115-15-1	C <sub>6</sub> Cl <sub>5</sub> SH HC <sub>6</sub> Cl <sub>5</sub>
1159	Polychlorinated naphthalene (PCN)	Polychlorinated naphthalene (PCN)		-	
1160	Decabromodiphenyl ether (DBDE)	Decabromodiphenyl ether (DBDE)	29093038	1163-19-5	C <sub>12</sub> Br <sub>10</sub> O
1161	Perfluorooctanoic acid (PFOA), các muối của chúng và các hợp chất liên quan đến PFOA	Perfluorooctanoic acid (PFOA) and its salts	29159070	-	C <sub>8</sub> HF <sub>15</sub> O <sub>2</sub>

### 2.6. Về các nội dung khác

Các nội dung liên quan đến phân loại ghi nhãn hóa chất và báo cáo hóa chất được đề xuất chỉnh sửa, bổ sung như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

#### “Điều 23. Phân loại hóa chất

Việc phân loại hóa chất được thực hiện theo quy tắc và hướng dẫn kỹ thuật của GHS, từ Phiên bản 2 năm 2007 trở đi. GHS phiên bản 2 bao gồm các phân loại chính như sau:

TT	Phân loại	Phân cấp						
		I Nguy hại vật chất						
1	Chất nổ	Chất nổ không bền	Cấp 1.1	Cấp 1.2	Cấp 1.3	Cấp 1.4	Cấp 1.5	Cấp 1.6
2	Khí dễ cháy	Cấp 1	Cấp 2					
3	Sol khí dễ cháy	Cấp 1	Cấp 2					
4	Khí oxy hoá	Cấp 1						
5	Khí chịu áp suất	Khí nén	Khí hoá lỏng	Khí hoá lỏng đông lạnh	Khí hoà tan			
6	Chất lỏng dễ cháy	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4			
7	Chất rắn dễ cháy	Cấp 1	Cấp 2					
8	Chất và hỗn hợp tự phản ứng	Kiểu A	Kiểu B	Kiểu C&D	Kiểu E&F	Kiểu G		
9	Chất lỏng tự cháy	Cấp 1						
10	Chất rắn tự cháy	Cấp 1						
11	Chất và hỗn hợp tự phát nhiệt	Cấp 1	Cấp 2					
12	Chất và hỗn hợp	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3				

<b>TT</b>	<b>Phân loại</b>	<b>Phân cấp</b>						
	khi tiếp xúc với nước sinh ra khí dễ cháy							
13	Chất lỏng oxy hoá	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3				
14	Chất rắn oxy hoá	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3				
15	Peroxyt hữu cơ	Kiểu A	Kiểu B	Kiểu C&D	Kiểu E&F	Kiểu G		
16	Ăn mòn kim loại	Cấp 1						
<b>II Nguy hại sức khỏe</b>								
17	Độc cấp tính	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5		
18	Ăn mòn/kích ứng da	Cấp 1A	Cấp 1B	Cấp 1C	Cấp 2	Cấp 3		
19	Tổn thương nghiêm trọng/kích ứng mắt	Cấp 1	Cấp 2A	Cấp 2B				
20	Tác nhân nhạy hô hấp	Cấp 1						
21	Tác nhân nhạy da	Cấp 1						
22	Đột biến tế bào mầm	Cấp 1A	Cấp 1B	Cấp 2				
23	Tác nhân gây ung thư	Cấp 1A	Cấp 1B	Cấp 2				
24a	Độc tính sinh sản	Cấp 1A	Cấp 1B	Cấp 2				
24b	Ảnh hưởng đến hoặc qua sữa mẹ							
25	Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3				
26	Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại	Cấp 1	Cấp 2					
27	Nguy hại hô hấp	Cấp 1	Cấp 2					
<b>III Nguy hại môi trường</b>								
28a	Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3				
28b	Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4			



2. Sửa đổi số thứ tự 4, khoản 1 Điều 24 như sau:

TT	Phân loại hóa chất	Hàm lượng
4	Tác nhân nhạy da/hô hấp	$\geq 1,0\%$

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 36 như sau:

“a) Trước ngày 15 tháng 02 hàng năm, tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có trách nhiệm báo cáo tổng hợp về tình hình hoạt động hóa chất của năm trước trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 36 như sau:

“a) Trước ngày 01 tháng 3 hàng năm, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực tại địa phương có trách nhiệm báo cáo công tác quản lý hóa chất trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu hoá chất quốc gia.”

## V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN

Trong quá trình soạn thảo và lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, các cơ quan nhà nước ở trung ương hoặc địa phương, các hiệp hội, các chuyên gia, Bộ Công Thương chỉ đạo Ban Soạn thảo nghiêm túc nghiên cứu các ý kiến góp ý để chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị định. Ban Soạn thảo cũng đã tiến hành tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và có văn bản báo cáo về việc giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý. Bộ Công Thương cũng đã nghiên cứu tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị định, cũng như các tài liệu có trong hồ sơ soạn thảo Nghị định để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành. Do vậy dự thảo Nghị định không có các vấn đề cần xin ý kiến bổ sung.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017, Bộ Công Thương kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*Xin gửi kèm theo: Dự thảo nghị định; Báo cáo rà soát văn bản pháp luật; Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; Bản đánh giá thủ tục hành chính.*

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Lưu: VT, HC.



**Nguyễn Hồng Diên**

